

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 128/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngân Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Huyện M, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Đài Loan (Trung Quốc).

3. *Người làm chứng:* Ông Trần Văn T1, địa chỉ: Phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Ngân Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn B được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại UBND Phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên uống rượu bia, không chịu khó làm ăn, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên

nhủ nhưng anh B vẫn không thay đổi. Đến năm 2018, anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi đi nước ngoài, anh B không quan tâm, ít khi liên lạc với chị T. Vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn B. Chị T không biết được địa chỉ chính xác của anh B vì anh B không nói cho chị T biết. Chị T có hỏi địa chỉ của anh B qua gia đình và bạn bè nhưng không ai nói cho chị T biết nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T, anh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Trần Văn T1 là bố đẻ của anh Trần Văn B. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2021 và 16/6/2021, Ông T1 trình bày: Anh B và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại UBND Phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh B đang lao động tại Đài Loan. Anh B đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Anh B thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị T. Do anh B không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan và bản thân ông cũng không nắm được nên ông không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 10969/QLXNC-P5 ngày 10/5/2021 thể hiện: Anh Trần Văn B, sinh ngày 17/06/1988 tại Hải Dương, CMND số: 142558496, địa chỉ thường trú tại: V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số C5520572 để xuất cảnh lần cuối ngày 05/8/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh B. Về án phí, chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngân Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn B, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương,

hiện đang sinh sống tại Đài Loan, Trung Quốc. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại UBND Phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Đến năm 2018, anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, ly thân từ đó đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. HĐXX xét thấy hôn nhân của chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh B là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị T và anh B không có con chung nên không phải giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh B không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngân Thị T. Xử cho chị Ngân Thị T ly hôn anh Trần Văn B.

2. Về án phí: Chị Ngân Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0005845 ngày 13/4/2021. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND Phường V, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn